

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng
Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về ban hành định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn; số 5038/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7987/SXD-HĐXD ngày 18/12/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn (kèm theo dự toán xây dựng điều chỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn với những nội dung sau:

1. Khái quát dự toán được phê duyệt:

Công trình Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán tại Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 với tổng dự toán là 74.150.818.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng : 62.279.276.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án : 1.213.044.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 4.215.642.000 đồng;
- Chi phí khác : 1.395.993.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 5.046.863.000 đồng.

Hiện nay, UBND thị xã Bim Sơn đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.

2. Lý do điều chỉnh

Điều chỉnh dự toán do cập nhật giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh Thanh Hóa công bố tại Quyết định số 4994/QĐ-UBND ngày 20/11/2020.

3. Tổng dự toán xây dựng điều chỉnh: 74.074.697.000 đồng (*Bảy tư tỷ, không trăm bảy tư triệu, sáu trăm chín bảy nghìn đồng*); trong đó:

- Chi phí xây dựng : 62.251.037.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án : 1.193.522.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 4.197.642.000 đồng;
- Chi phí khác : 1.390.814.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 5.041.682.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

4. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư; vốn ngân sách thị xã Bim Sơn và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo bằng 30% tổng mức đầu tư.

Điều 2. Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG**Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính: Đồng.*

TT	Hạng mục	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí xây lắp (Gxl)	(1+2+3+4)	62.279.276.000
1	Đường giao thông	Dự toán chi tiết	40.263.840.000
1.1	Nền mặt đường	nt	25.901.927.000
1.2	Hoàn trả đường ngang	nt	1.363.046.000
1.3	Thoát nước	nt	9.689.152.000
1.4	Hào kỹ thuật	nt	2.683.645.000
1.5	An toàn giao thông	nt	626.070.000
2	Phần cầu (theo giá trị thẩm định của SGTVT)		22.015.436.000
2.1	Cầu Đo Đặc - Km0+131,18	nt	5.763.647.000
2.2	Cầu Cổ Đam - Km1+577,81	nt	13.005.741.000
2.3	Cầu Chuyên Gia - Km4+855,65	nt	3.246.048.000
II	Chi phí QLDA	2,109% x Gxl	1.213.044.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		4.215.642.000
1	Chi phí khảo sát bước lập BCNCKT	Theo QĐ số 1125/QĐ-UBND ngày 10/3/2020	425.855.000
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo QĐ số 1187/QĐ-UBND ngày 13/3/2020	318.447.085
3	Chi phí khảo sát bước lập TKBVTC, cắm cọc GPMB và lập thiết kế BVTC + DT	Theo QĐ số 4363/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn	1.163.981.813

4	Chi phí thẩm tra thiết kế	0,109% x Gxl	68.963.000
5	Chi phí thẩm tra dự toán	0,102% x Gxl	64.535.000
6	Chi phí kiểm định công trình cầu	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	473.830.000
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn KS, lập TK BVTC	0,809% x Gvtvk	9.417.000
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây lắp	0,142% x Gxl	89.842.000
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn giám sát thi công	0,780% x Ggs	11.148.000
10	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát phục vụ lập BCNCKT	Theo QĐ số 798/QĐ-UBND ngày 06/3/2020	12.775.650
11	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập BCNCKT	nt	17.340.816
12	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát phục vụ lập TKBVTC	Theo QĐ số 3166/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	8.634.480
13	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập TKBVTC	nt	11.719.868
14	Giám sát kỹ thuật - thi công	2,259% x Gxl	1.429.252.000
15	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	109.900.662
IV	Chi phí khác (Gk)		1.395.993.000
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	11.045.000

2	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn KS, lập TK BVTC (63/NĐ-CP)	0,100% x Giá gói thầu	2.000.000
3	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp (63/NĐ-CP)	0,100% x Giá gói thầu	62.279.000
4	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công (63/NĐ-CP)	0,100% x Giá gói thầu	2.000.000
5	Chi phí kiểm toán (09/2016/TT-BTC)	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	352.346.000
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán (09/2016/TT-BTC)	nt	103.231.000
7	Chi phí bảo hiểm công trình (329/2016/TT-BTC)	0,250% x G _{xl}	158.173.000
8	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (TT 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019)	20,000% x G _{gs}	259.863.992
9	Chi phí đảm bảo giao thông		
9.1	Phần tuyến	Dự toán chi tiết	314.859.000
9.2	Phần cầu Đo đạc	nt	130.196.000
V	Chi phí dự phòng (G_{DP})		5.046.863.000
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	5,00% x (I + II + III + IV)	3.455.197.750
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,30% x (I + II + III + IV)	1.591.665.123
	Tổng kinh phí	I+II+III+IV+V	74.150.818.000